

Phụ lục 1:

BIỂU MỤC TIÊU CỤ THỂ CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN PCI TỈNH LAI CHÂU NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Chỉ số thành phần PCI	Năm 2024		Mục tiêu năm 2025		Đơn vị đầu mối/chủ trì theo dõi tổng hợp
		Điểm số, tỷ lệ %	Xếp hạng (so với cả nước)	Điểm số, tỷ lệ %	Xếp hạng (so với cả nước)	
Tổng		67,67	33	67,70-69,0	18-20	Sở Tài chính
1	Gia nhập thị trường	7,68	37	7,50	20	Sở Tài chính
2	Tiếp cận đất đai	6,57	34	6,65	19	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Tính minh bạch	6,90	14	7,00	8	Sở Tư pháp
4	Chi phí thời gian	7,30	39	7,35-7,40	21	Thanh tra tỉnh
5	Chi phí không chính thức	7,16	14	7,20-7,30	8	Thanh tra tỉnh
6	Cạnh tranh bình đẳng	5,97	28	6,05	16	Sở Tài chính
7	Tính năng động của chính quyền tỉnh	6,90	5	7,00	3	Văn phòng UBND tỉnh
8	Chính sách Hỗ trợ doanh nghiệp	7,11	37	7,20	21	Sở Tài chính
9	Đào tạo lao động	5,37	60	5,45	34	Sở Giáo dục và Đào tạo
10	Thiết chế pháp lý	7,07	51	7,1-7,2	30	Tòa án Nhân dân tỉnh

Phụ lục 2:**ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI CHỦ TRÌ THEO DÕI CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ SỐ THÀNH PHẦN PCI NĂM 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Chỉ số thành phần PCI		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
1	Gia nhập thị trường		Sở Tài chính	
1.1.	Thời gian đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị)		Sở Tài chính	
1.2.	Tỷ lệ DN phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên		Sở Tài chính	
1.3.	Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị)		Sở Tài chính	
1.4.	Tỷ lệ DN đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký doanh nghiệp thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện (%)		Sở Tài chính	
1.5.	Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (% DN Đồng ý)		Sở Tài chính	
1.6.	Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ (% DN Đồng ý)		Sở Tài chính	
1.7.	Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% DN Đồng ý)		Sở Tài chính	
1.8.	Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% DN Đồng ý)		Sở Tài chính	
1.9.	Việc khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (% Đồng ý)		Sở Tài chính	
1.10.	Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ (%)		Sở Tài chính	
1.11.	Doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện (%)		Sở Tài chính	
1.12.	Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định (% DN Đồng ý)		Sở Tài chính	
1.13.	Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định (% DN đồng ý)		Sở Tài chính	

STT	Chỉ số thành phần PCI		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
	1.14.	Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (% DN Đồng ý)	Sở Tài chính	
	1.15.	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (%)	Sở Tài chính	
	1.16.	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký doanh nghiệp (%)	Sở Tài chính	
	1.17.	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)	Sở Tài chính	
	1.18.	Tỷ lệ DN phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	Sở Tài chính	
	1.19.	Tỷ lệ DN phải chờ hơn BA tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	Sở Tài chính	
2	Tiếp cận đất đai		Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.1.	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.2.	DN tư nhân không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.3.	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.4.	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm (%)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.5.	Thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng (%)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.6.	Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định (%)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.7.	Cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ (%)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.8.	Các thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất thời gian (%)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.9.	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp; 5=Rất cao)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT	Chỉ số thành phần PCI		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
	2.10	Tỷ lệ DN tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất (%)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.11.	Sự thay đổi bảng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.12.	Tỷ lệ DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục (%)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.13.	Tỷ lệ DN có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu (%)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.14.	Tỷ lệ DN phải trì hoãn / hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
3	Tính minh bạch		Sở Tư pháp	
	3.1.	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Rất dễ; 5=Không thể)	Sở Tài chính	
	3.2.	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Rất dễ; 5=Không thể)	Sở Tư pháp	
	3.3.	Minh bạch trong đấu thầu (% Đồng ý)	Sở Tài chính	
	3.4.	Tỷ lệ DN nhận được thông tin, văn bản cần khi yêu cầu cơ quan trong tỉnh cung cấp (%)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	3.5.	Số ngày chờ đợi để nhận được thông tin, văn bản yêu cầu (Trung vị)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	3.6.	Thông tin trên website của tỉnh về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)	Văn phòng UBND tỉnh	
	3.7.	Thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích (% Đồng ý)	Văn phòng UBND tỉnh	
	3.8.	Thông tin trên website của tỉnh về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)	Văn phòng UBND tỉnh	
	3.9.	Thông tin trên các website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)	Văn phòng UBND tỉnh	
	3.10.	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% Quan trọng hoặc Rất quan trọng)	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Lai Châu	

STT	Chỉ số thành phần PCI		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
	3,11	Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (% Đồng ý)	Cơ quan phụ trách về thuế tại tỉnh	
	3,12	Thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế giúp doanh nghiệp giảm được số thuế phải nộp (% Đồng ý)	Cơ quan phụ trách về thuế tại tỉnh	
	3,13	Vai trò của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phản biện chính sách, quy định của tỉnh là quan trọng (% DN)	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Lai Châu	
	3,14	Khả năng dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương (% Có thể)	Sở Tư pháp	
	3,15	Khả năng dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh (% Có thể)	Sở Tư pháp	
	3,16	Chất lượng website của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	
	3,17	Tỷ lệ DN thường xuyên truy cập vào website của UBND tỉnh (%)	Văn phòng UBND tỉnh	
4	Chi phí thời gian		Thanh tra tỉnh	
	4.1.	Tỉ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện QĐPL (%)	Sở Tư pháp	
	4.2.	Cán bộ nhà nước thân thiện (% Đồng ý)	Sở Nội vụ	
	4.3.	Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% Đồng ý)	Sở Nội vụ	
	4.4.	DN không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	4.5.	Thủ tục giấy tờ đơn giản (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	4.6.	Phí, lệ phí được công khai (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	4.7.	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	4.8.	Tỷ lệ DN không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	

STT	Chỉ số thành phần PCI		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
	4.9.	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm thời gian cho DN (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	4.10	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm chi phí cho DN (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	4,11	Tỷ lệ DN cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	Thanh tra tỉnh	
	4,12	Tỷ lệ DN cho biết bị thanh kiểm tra trên 3 lần một năm	Thanh tra tỉnh	
	4,13	Tỷ lệ DN nhận thấy cán bộ thanh, kiểm tra lợi dụng thực thi công vụ nhũng nhiễu doanh nghiệp (%)	Thanh tra tỉnh	
	4,14	Số giờ thanh, kiểm tra thuế mỗi cuộc (trung vị)	Cục Thuế tỉnh	
5	Chi phí không chính thức		Thanh tra tỉnh	
	5.1.	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản CPKCT (% Đồng ý)	Thanh tra tỉnh	
	5.2.	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi trả CPKCT (% thường xuyên hoặc luôn luôn)	Thanh tra tỉnh	
	5.3.	Hiện tượng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (% Đồng ý)	Thanh tra tỉnh	
	5.4.	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	Thanh tra tỉnh	
	5.5.	Tỷ lệ DN chỉ trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)	Thanh tra tỉnh	
	5.6	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục ĐKDN / sửa đổi ĐKDN (%)	Thanh tra tỉnh	
	5.7	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)	Thanh tra tỉnh	
	5.8	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra phòng cháy, chữa cháy (%)	Thanh tra tỉnh	
	5,9	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường (%)	Thanh tra tỉnh	
	5.10.	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường (%)	Thanh tra tỉnh	
	5.11.	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế (%)	Thanh tra tỉnh	

STT	Chỉ số thành phần PCI		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
	5.12.	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng	Thanh tra tỉnh	
	5.13.	DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	Thanh tra tỉnh	
	5.14.	Tỷ lệ DN chi trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh việc thực hiện thủ tục đất đai (% DN)	Thanh tra tỉnh	
	5.15.	Chi trả "hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu (% Đồng ý)	Thanh tra tỉnh	
	5.16.	Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng "chạy án" là phổ biến (%)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
6	Cạnh tranh bình đẳng		Sở Tài chính	
	6.1.	Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	6.2.	Tinh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	6.3.	Tinh ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	6.4.	Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	6.5.	Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	6.6.	Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	6.7.	Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	6.8.	Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	

STT	Chỉ số thành phần PCI		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
	6.9.	Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Cơ quan phụ trách về thuế tại tỉnh	
	6.10.	Việc tinh ưu ái cho DN lớn (cả DNNN và tư nhân) gây khó khăn cho doanh nghiệp (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	6.11.	Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh” (% Đồng ý)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
7	Tính năng động của chính quyền tỉnh		Văn phòng UBND tỉnh	
	7.1.	Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (% DN)	Văn phòng UBND tỉnh	
	7.2.	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm	Văn phòng UBND tỉnh	
	7.3.	Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	7.4.	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi (%Đồng ý)	Văn phòng UBND tỉnh	
	7.5.	UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% Đồng ý)	Văn phòng UBND tỉnh	
	7.6.	Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố (% Đồng ý) <i>(sẽ sửa đổi, thay thế khi VCCI có sự thay đổi)</i>	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	7.7	Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	7.8	Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	7.9	Tỷ lệ DN tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
8	Chính sách Hỗ trợ doanh nghiệp		Sở Tài chính	
	8.1.	Thủ tục cấp bảo lãnh tín dụng cho DNNVV để thực hiện (%)	Cơ quan phụ trách về Ngân hàng nhà nước tại tỉnh	

STT	Chỉ số thành phần PCI		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
	8.2.	Thủ tục để được CQNN hỗ trợ tăng cường năng lực doanh nghiệp để thực hiện (%)	Sở Tài chính	
	8.3.	Thủ tục để được giảm giá thuê mặt bằng tại khu/cụm CN là dễ thực hiện (%)	Các sở: NN&MT, TC, UBND các xã, phường	
	8.4.	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn pháp luật khi sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN để thực hiện (%)	Sở Tư pháp	
	8.5.	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn thông tin thị trường khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN để thực hiện (%)	Sở Tư pháp	
	8.6.	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp để thực hiện (%)	Sở Tài chính	
	8.7.	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí đào tạo nghề cho người lao động để thực hiện (%)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
	8.8.	Chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA của các CQNN địa phương đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (% Đáp ứng)	Sở Công Thương	
	8.9.	Vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được CQNN địa phương giải đáp hiệu quả (%) -	Sở Công Thương	
	8.10.	Tỷ lệ DN có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs	Sở Công Thương	
	8.11.		Sở Công Thương	
	8.12.	Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp (%)	Sở Tài chính	
	8.13.	Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)	Sở Tài chính	
9	Đào tạo lao động		Sở Giáo dục và Đào tạo	
	9.1.	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng (%)	Sở Nội vụ	
	9.2.	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ kỹ thuật tại tỉnh là dễ dàng (%)	Sở Nội vụ	
	9.3.	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng (%)	Sở Nội vụ	
	9.4.	Tỷ lệ chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	Sở Nội vụ	
	9.5.	Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	Sở Nội vụ	

STT	Chỉ số thành phần PCI		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
	9.6.	Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
	9.7.	Tỷ lệ lao động tại DN đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (%)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
	9.8.	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo (% , TCTK)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
	9.9.	Lao động tại địa phương đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của DN (%)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
	9.10.	Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
	9.11.	Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT (BGDDT)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
10	Thiết chế pháp lý		Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.1.	Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi sai phạm của CBNN (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.2.	Tỷ lệ DN tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.3.	Tỷ lệ DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.4.	Tỷ lệ DN tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm (% Đồng ý)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.5.	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% Đồng ý)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.6.	Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% Đồng ý)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.7.	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% Đồng ý)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.8.	Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (% Đồng ý)	Cục Thi hành án tỉnh	
	10.9.	Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.10.	Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.11.	Phán quyết của toà án là công bằng (% Đồng ý)	Tòa án Nhân dân tỉnh	

STT	Chỉ số thành phần PCI		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
	10.12.	Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp (TANDTC)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.13	Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Toà án kinh tế tỉnh (% , TANDTC)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.14	Tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết (% , TANDTC)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.15	Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh là tốt (%)	Công an tỉnh	
	10.16	Tỷ lệ DN bị trộm cắp hoặc đột nhập vào năm vừa qua (%)	Công an tỉnh	
	10,17	Cơ quan công an sở tại xử lý vụ việc của DN hiệu quả (%)	Công an tỉnh	
	10,18	Tỷ lệ DN phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)	Công an tỉnh	